

Số: /BC-STNMT

Ninh Thuận, ngày tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

Về việc thực hiện chính sách, pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 3726/UBND-KTTH ngày 26/8/2022 về việc báo cáo thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021; Văn bản số 2915/STC-TTr ngày 29/8/2022 của Sở Tài chính về việc báo cáo thực hiện chính sách, pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021.

Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo kết quả việc thực hiện chính sách, pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021 theo các nội dung như sau:

1. Tình hình phổ biến, tuyên truyền về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

- Trong thời gian qua, các văn bản pháp luật liên quan công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí đều được Sở Tài nguyên và Môi trường thường xuyên phổ biến, cập nhật đến từng công chức, viên chức và người lao động (*qua TDOffice, mạng nội bộ, sinh hoạt ngày pháp luật, ...*) và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở để các công chức, viên chức và người lao động và các tổ chức, cá nhân quan tâm có thể theo dõi, tra cứu.

- Thường xuyên và duy trì triển khai quán triệt, học tập Luật số 44/2013/QH13 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 26/11/2013 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2014; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc Sở và các đơn vị trực thuộc; Chỉ thị số 05/2008/CT-TTg ngày 31/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao hiệu quả sử dụng thời giờ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; các Thông tư của Bộ Tài chính quy định việc thực hiện dự toán ngân sách nhà nước qua các năm từ năm 2016 đến năm 2021.

2. Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền:

Giai đoạn 2016-2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 21 văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường (trong đó: có 12 Quyết định và 09 Nghị quyết) liên quan đến việc xây dựng, ban hành hệ thống định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi ngân sách nhà nước.

Nhìn chung, công tác tham mưu xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại Sở Tài nguyên và Môi trường trên cơ sở căn cứ vào Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ, cũng như các văn bản pháp luật khác có liên quan thuộc thẩm quyền ban hành của cơ quan cấp trên về lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Các văn bản được ban hành đúng căn cứ pháp lý, đúng thẩm quyền và có nội dung phù hợp với quy định và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, không trái các quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản đảm bảo theo quy định của pháp luật; các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành đảm bảo tính khả thi cao, áp dụng thuận lợi trong thực tiễn, không có văn bản nào bị hủy bỏ, bãi bỏ do vi phạm các quy định của pháp luật.

3. Quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên:

3.1. Quản lý, sử dụng đất đai:

3.1.1. Thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

a) Đối với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia:

Kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước của tỉnh Ninh Thuận đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ, cụ thể như sau:

- Về chỉ tiêu đất nông nghiệp: Đến hết năm 2020 tỉnh Ninh Thuận thực hiện được 290.885 ha, cao hơn 7.145 ha so với chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

- Đất trồng lúa: Chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ phân bổ là 18.633 ha, thực hiện đến năm 2020 là 20.277 ha, cao hơn chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ phân bổ là 1.664 ha.

- Đất chuyên trồng lúa nước: Chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ phân bổ là 15.981 ha, thực hiện đến năm 2020 là 17.049 ha, cao hơn 1.068 ha so với chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

- Đất rừng phòng hộ: Thủ tướng do Thủ tướng Chính phủ phân bổ đến hết năm 2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận có 115.700 ha đất rừng phòng hộ; tỉnh Ninh Thuận thực hiện được 127.373 ha, cao hơn 11.673 ha, đạt 110,09% chỉ tiêu được Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

- Đất rừng đặc dụng: Thủ tướng Chính phủ phân bổ quản lý, bảo vệ 42.327 ha đất rừng đặc dụng, thực hiện đến năm 2020 được 41.653 ha, thực hiện thấp hơn 674 ha, đạt 98,41% chỉ tiêu được Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

- Đất rừng sản xuất: Chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ phân bổ đến năm 2020 tỉnh Ninh Thuận có 39.910 ha đất rừng sản xuất; thực hiện được 29.929 ha, thấp hơn 9.981 ha so với chỉ tiêu phân bổ.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ phân bổ đến năm 2020 tỉnh Ninh Thuận có 2.500 ha đất nuôi trồng thủy sản; thực tế thực hiện được 2.185 ha, chưa thực hiện 470 ha và đạt 81,20% chỉ tiêu phân bổ.

- Đất làm muối: Chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ phân bổ đến năm 2020 là 3.942 ha, thực tế thực hiện đến hết năm 2020 đạt 3.861 ha chưa thực hiện 81 ha so với chỉ tiêu phân bổ.

- Đất phi nông nghiệp: Chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ phân bổ là 42.925 ha, thực hiện đến năm 2020 là 35.654 ha, chưa thực hiện 7.271 ha và đạt 83,06% chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

- Đất quốc phòng: Chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ phân bổ đến năm 2020 có 3.547 ha đất quốc phòng, thực hiện đến năm 2020 đạt 3.022 ha, chưa thực hiện 525 ha và đạt 85,20% chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

- Đất an ninh: Chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ phân bổ là 681 ha; thực hiện đến năm 2020 đạt 589 ha, chưa thực hiện 92 ha và đạt 86,49% chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

- Đất khu công nghiệp: Chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ phân bổ là 1.682 ha đất khu công nghiệp, thực hiện đến năm 2020 được 783 ha, chưa thực hiện 899 ha và đạt 46,55% chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

- Đất phát triển hạ tầng: Dự kiến đến năm 2020 tỉnh Ninh Thuận có 15.718 ha đất phát triển hạ tầng được Thủ tướng Chính phủ phân bổ, thực hiện được 15.602 ha, chưa thực hiện 116 ha và đạt 99,26% so với chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

+ Đất cơ sở văn hóa: Chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ phân bổ đến năm 2020 là 124 ha; thực hiện hết năm 2020 đạt 50 ha, chưa thực hiện 74 ha so với chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ giao;

+ Đất cơ sở y tế: Chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ phân bổ đến năm 2020 là 64 ha; thực hiện hết năm 2020 đạt 47 ha, chưa thực hiện 17 ha so với chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ giao;

+ Đất cơ sở giáo dục - đào tạo: Chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ phân bổ đến năm 2020 là 412 ha; thực hiện hết năm 2020 118 ha, chưa thực hiện 294 ha so với chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ giao;

+ Đất cơ sở thể dục - thể thao: Chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ phân bổ đến năm 2020 là 645 ha; thực hiện hết năm 2020 đạt 312 ha, chưa thực hiện 74 ha so với chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ giao;

- Đất có di tích lịch sử - văn hóa: Thủ tướng Chính phủ phân bổ đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh có 321 ha đất có di tích lịch sử - văn hóa; thực hiện được 299 ha, chưa thực hiện 22 ha so với chỉ tiêu phân bổ.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: Thực hiện đến năm 2020 được 38 ha, chưa thực hiện 262 ha so với chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ phân bổ (chỉ tiêu phê duyệt là 300 ha).

- Đất ở tại đô thị: Thủ tướng Chính phủ phân bổ đến năm 2020 có 1.793 ha đất ở tại đô thị; thực hiện đến năm 2020 đạt 1.273 ha, chưa thực hiện 520 ha so với chỉ tiêu kế hoạch phân bổ.

- Đất chưa sử dụng: Chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ phân bổ đến năm 2020 tỉnh Ninh Thuận còn 8.989 ha đất chưa sử dụng; thực hiện đến năm 2020 còn 8.995 ha, chưa thực hiện khai thác 6 ha đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích sử dụng đất nông, lâm nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng.

b) Đối với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh:

Kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước của tỉnh Ninh Thuận đã được Chính phủ phê duyệt, cụ thể như sau:

- Về chỉ tiêu đất nông nghiệp: Đến hết năm 2020 tỉnh Ninh Thuận thực hiện được 290.885 ha, cao hơn 7.145 ha so với chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp đã được Chính phủ phê duyệt.

- Đất trồng lúa: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt là 18.633 ha, thực hiện đến năm 2020 là 20.277 ha, cao hơn chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt là 1.664 ha.

- Đất chuyên trồng lúa nước: Chỉ tiêu Chính phủ phân bổ là 15.981 ha, thực hiện đến năm 2020 là 17.049 ha, cao hơn 1.068 ha so với chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt.

- Đất trồng cây lâu năm: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt đến hết năm 2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận có 16.763 ha đất trồng cây lâu năm; tỉnh Ninh Thuận thực hiện được 18.729 ha, cao hơn 1.966 ha, đạt 111,73% chỉ tiêu được Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

- Đất rừng phòng hộ: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt đến hết năm 2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận có 116.172 ha đất rừng phòng hộ; tỉnh Ninh Thuận thực hiện được 127.373 ha, cao hơn 11.201 ha, đạt 109,64% chỉ tiêu được Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

- Đất rừng đặc dụng: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt quản lý, bảo vệ 42.327 ha đất rừng đặc dụng, thực hiện đến năm 2020 được 41.653 ha, chưa thực hiện 674 ha và đạt 98,41% chỉ tiêu được Chính phủ phê duyệt.

- Đất rừng sản xuất: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt đến năm 2020 tỉnh Ninh Thuận có 39.910 ha đất rừng sản xuất; thực hiện được 29.929 ha, thấp hơn 9.981 ha so với chỉ tiêu Chính phủ giao.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt đến năm 2020 tỉnh Ninh Thuận có 1.939 ha đất nuôi trồng thủy sản; thực tế thực hiện được 2.185 ha, thực hiện cao hơn 91 ha và đạt 104,69% chỉ tiêu Chính phủ giao.

- Đất làm muối: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt phân bổ đến năm 2020 là 3.267 ha, thực tế thực hiện đến hết năm 2020 đạt 3.861 ha, thực hiện cao hơn 594 ha so với chỉ tiêu Chính phủ giao.

- Đất phi nông nghiệp: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt là 42.925 ha, thực hiện đến năm 2020 là 35.654 ha, chưa thực hiện 7.271 ha và đạt 83,06% chỉ tiêu Chính phủ giao.

- Đất quốc phòng: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt đến năm 2020 có 3.547 ha đất quốc phòng, thực hiện đến năm 2020 đạt 3.022 ha, chưa thực hiện 525 ha và đạt 85,20% chỉ tiêu Chính phủ giao.

- Đất an ninh: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt là 681 ha; thực hiện đến năm 2020 đạt 589 ha, chưa thực hiện 92 ha và đạt 86,49% chỉ tiêu Chính phủ giao.

- Đất khu công nghiệp: Chính phủ phê duyệt là 1.682 ha đất khu công nghiệp, thực hiện đến năm 2020 được 783 ha, chưa thực hiện 899 ha và đạt 46,55% chỉ tiêu do Chính phủ giao.

- Đất cụm công nghiệp: Chính phủ phê duyệt là 686 ha đất cụm công nghiệp, thực hiện đến năm 2020 được 227 ha, chưa thực hiện 459 ha và đạt 33,09% chỉ tiêu do Chính phủ giao.

- Đất thương mại, dịch vụ: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt là 638 ha đất thương mại, dịch vụ, thực hiện đến năm 2020 được 361 ha, chưa thực hiện 277 ha và đạt 56,58% chỉ tiêu do Chính phủ giao.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt là 1.726 ha đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, thực hiện đến năm 2020 được 924 ha, chưa thực hiện 802 ha và đạt 53,53% chỉ tiêu do Chính phủ giao.

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt là 648 ha đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản, thực hiện đến năm 2020 được 244 ha, chưa thực hiện 404 ha và đạt 37,65% chỉ tiêu do Chính phủ giao.

- Đất phát triển hạ tầng: Dự kiến đến năm 2020 tỉnh Ninh Thuận có 18.895 ha đất phát triển hạ tầng được Chính phủ phê duyệt, thực hiện được 15.602 ha, chưa thực hiện 3.293 ha và đạt 82,57% so với chỉ tiêu Chính phủ giao.

+ Đất cơ sở văn hóa: Chỉ tiêu do Chính phủ phê duyệt đến năm 2020 là 124 ha; thực hiện hết năm 2020 đạt 50 ha, chưa thực hiện 74 ha so với chỉ tiêu do Chính phủ giao;

+ Đất cơ sở y tế: Chỉ tiêu do Chính phủ phê duyệt đến năm 2020 là 64 ha; thực hiện hết năm 2020 đạt 47 ha, chưa thực hiện 17 ha so với chỉ tiêu do Chính phủ giao;

+ Đất cơ sở giáo dục - đào tạo: Chỉ tiêu do Chính phủ phê duyệt đến năm 2020 là 412 ha; thực hiện hết năm 2020 118 ha, chưa thực hiện 527 ha so với chỉ tiêu do Chính phủ giao;

+ Đất cơ sở thể dục - thể thao: Chỉ tiêu do Chính phủ phê duyệt đến năm 2020 là 645 ha; thực hiện hết năm 2020 đạt 312 ha, chưa thực hiện 74 ha so với chỉ tiêu do Chính phủ giao;

- Đất có di tích lịch sử - văn hóa: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh có 321 ha đất có di tích lịch sử - văn hóa; thực hiện được 299 ha, chưa thực hiện 22 ha so với chỉ tiêu Chính phủ giao.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: Thực hiện đến năm 2020 được 38 ha, chưa thực hiện 262 ha so với chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt (chỉ tiêu phê duyệt là 300 ha).

- Đất ở tại nông thôn: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt đến năm 2020 có 4.120 ha đất ở tại nông thôn; thực hiện hết năm 2020 đạt 4.145 ha, cao hơn 25 ha so với chỉ tiêu do Chính phủ giao.

- Đất ở tại đô thị: Chính phủ phê duyệt đến năm 2020 có 1.793 ha đất ở tại đô thị; thực hiện đến năm 2020 đạt 1.273 ha, chưa thực hiện 520 ha so với chỉ tiêu đã được Chính phủ giao.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt đến năm 2020 có 129 ha đất xây dựng trụ sở cơ quan; thực hiện hết năm 2020 đạt 100 ha, chưa thực hiện 29 ha so với chỉ tiêu do Chính phủ giao.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt đến năm 2020 có 98 ha đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp; thực hiện hết năm 2020 đạt 51 ha, thực hiện thấp hơn 47 ha so với chỉ tiêu do Chính phủ giao.

- Đất cơ sở tôn giáo: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt đến năm 2020 có 96 ha đất cơ sở tôn giáo; thực hiện hết năm 2020 đạt 105 ha, thực hiện vượt 9 ha so với chỉ tiêu do Chính phủ giao.

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt đến năm 2020 có 952 ha đất ở tại nông thôn; thực hiện hết năm 2020 đạt 859 ha, chưa thực hiện 93 ha so với chỉ tiêu do Chính phủ giao.

- Đất chưa sử dụng: Chính phủ phê duyệt đến năm 2020 tỉnh Ninh Thuận còn 8.989 ha đất chưa sử dụng; thực hiện đến năm 2020 còn 8.995 ha, chưa thực hiện khai thác 6 ha đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích sử dụng đất nông, lâm nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng.

c) Số công trình, dự án và diện tích đất (ha) đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất trong kế hoạch sử dụng đất cuối kỳ giai đoạn 2016-2020 theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật đất đai mà sau 03 năm chưa triển khai:

Qua rà soát có 32 công trình dự án nằm trong danh mục công trình thu hồi đất được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt nhưng quá 03 năm chưa thực hiện, với tổng diện tích 141,58 ha.

3.1.2. Về việc Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất:

a) Về giao đất không thu tiền sử dụng đất (quy định tại Điều 54 của Luật Đất đai năm 2013):

- Diện tích đất giao: Diện tích giao đất không thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2016 - 2021 là 838,46 ha;

- Đối tượng giao đất là các tổ chức;

b) Về giao đất có thu tiền sử dụng đất (quy định tại Điều 55 của Luật Đất đai năm 2013):

- Diện tích đất giao: Diện tích giao đất có thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2016 - 2021 là 33,47 ha;

- Mục đích sử dụng đất giao chủ yếu thực hiện các dự án khu dân cư, khu đô thị;

- Đối tượng giao đất là các tổ chức kinh tế.

c) Về thuê đất (quy định tại Điều 56 của Luật Đất đai năm 2013):

- Diện tích đất thuê: giai đoạn 2016 - 31/12/2021 là 5.138,45 ha;

- Đối tượng được Nhà nước cho thuê đất là các tổ chức kinh tế;

- Diện tích đất thuê nhưng tiến độ sử dụng chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư đã bị thu hồi đất là 16,35 ha.

d) Về việc Nhà nước thu hồi đất:

- Diện tích đất Nhà nước thu hồi theo Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai từ 01/01/2016 đến 31/12/2020 là 6.268,27 ha.

- Diện tích đất thu hồi theo Điều 64 của Luật Đất đai nhưng đến 31/12/2021 chưa thu hồi: không có.

- Diện tích đất thu hồi theo Điều 65 của Luật Đất đai nhưng đến 31/12/2021 chưa thu hồi: không có.

3.1.3. Về việc Nhà nước cấp Giấy chứng nhận (GCN) quyền sử dụng đất cho tổ chức sử dụng đất (quy định tại Điều 102 của Luật Đất đai năm 2013):

a) Số các tổ chức (doanh nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức sự nghiệp, tổ chức khác) được cấp GCN quyền sử dụng đất, diện tích đã được cấp GCN:

Từ 01/01/2016 đến 31/12/2020 đã cấp GCN quyền sử dụng đất cho 290 tổ chức, với diện tích 1.994,91 ha; Năm 2021 đã cấp GCN quyền sử dụng đất cho 187 tổ chức, với diện tích 382,25 ha.

b) Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất của các nông, lâm trường quốc doanh; công ty nông, lâm nghiệp theo quy định tại điều 46 Luật Đất đai:

Số các nông, lâm trường quốc doanh, công ty nông, lâm nghiệp đã hoàn thành việc sắp xếp đổi mới và đã được cấp GCN quyền sử dụng đất:

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 về việc phê duyệt Phương án sắp xếp, đổi mới Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tân Tiến và Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 về việc phê duyệt Phương án sắp xếp, đổi mới Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn.

Tổng diện tích được cấp giấy CNQSDĐ và có quyết định giao đất đối với Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Tân Tiến và Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ninh Sơn là 51.986,63 ha (trong đó: Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Tân Tiến là 24.262,80 ha và Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ninh Sơn là 27.723,83 ha).

Tổng diện tích bàn giao cho các địa phương quản lý, sử dụng là 4.118,66 ha.

3.2. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước:

a) Thực trạng quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước:

Triển khai thực hiện hiệu quả Luật Tài nguyên nước và các văn bản hướng dẫn thi hành, đề tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 02/11/2016 về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác quản lý và sử dụng tài nguyên nước giai đoạn 2016-2020; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện và các cấp, các ngành đã xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh ủy, ban hành Quy định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định hồ sơ cấp phép tài nguyên nước; Quy chế phối hợp bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn tỉnh và các Kế hoạch, văn bản chỉ đạo về triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương. Sở Tài nguyên và Môi trường thường xuyên phối hợp tổ chức tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật tài nguyên nước đến mọi tầng lớp Nhân dân bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú; tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Nước thế giới 22 tháng 3 hàng năm, đã thu hút được sự quan tâm và tham gia tích cực của toàn xã hội, có ý nghĩa và sức lan tỏa cao, góp phần làm thay đổi nhận thức, hành vi, thói quen và cách ứng xử với tài nguyên nước ở hiện tại và tương lai.

Trong giai đoạn 2016-2021, trên địa bàn tỉnh đã cấp 19 giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt (Bộ TNMT cấp 08 giấy phép, UBND tỉnh cấp 11 giấy phép), 21 giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất và 12 giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

b) Chấp hành và không chấp hành các quy định của pháp luật tài nguyên nước:

Công tác quản lý, cấp phép hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh luôn đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật, không có

trường hợp cấp sai, trái quy định; công tác kiểm tra, giám sát luôn được tăng cường thường xuyên; các tổ chức, cá nhân được cấp phép đều chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước; bên cạnh vẫn có những trường hợp chưa chấp hành đúng và đầy đủ quy định của pháp luật, như: chưa thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc quan trắc, giám sát nguồn nước (*mức nước, lưu lượng, chất lượng nước*); chưa thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc báo cáo định kỳ tình hình khai thác, sử dụng nước dưới đất theo quy định của nội dung giấy phép; khai thác sai vị trí so với giấy phép được cấp; khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước chưa có giấy phép tài nguyên nước theo quy định.

Giai đoạn 2016-2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức 10 cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất về chấp hành pháp luật tài nguyên nước đối với 38 tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Qua công tác thanh tra, kiểm tra đã xử lý vi phạm hành chính các trường hợp có sai phạm với tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính là 85.000.000 đồng.

c) Việc tuân thủ các nguyên tắc, quy định về quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước: Công tác thẩm định, cấp phép về tài nguyên nước đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; công tác kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước đối với các tổ chức, cá nhân được cấp phép được thực hiện thường xuyên. Qua kiểm tra, giám sát, các tổ chức, cá nhân được cấp phép đã thực hiện khai thác, sử dụng nước và xả nước thải vào nguồn nước đúng với các nội dung quy định trong giấy phép không gây ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.

d) Việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; quản lý theo quy định của pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các pháp luật chuyên ngành:

Để bảo đảm quản lý, khai thác sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước theo phương thức tổng hợp và hiệu quả cao nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước của tỉnh góp phần phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, bảo đảm an sinh xã hội trước diễn biến của biến đổi khí hậu và sự suy giảm nguồn nước, UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra và tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; ban hành Danh mục nguồn nước nội tỉnh gồm 41 nguồn nước (22 sông, 15 suối, 02 phụ lưu, 01 kênh và 01 vũng) làm căn cứ để triển khai các hoạt động quản lý lưu vực sông, quản lý các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, điều hòa phân bổ nguồn nước trên các lưu vực sông của tỉnh.

Để tiết kiệm nước, hiện nay ngành nông nghiệp của tỉnh đã và đang triển khai áp dụng hai cách tưới tiết kiệm là tưới phun mưa và tưới nhỏ giọt (*Hệ thống tưới tiết kiệm được lắp đặt khá đơn giản gồm máy bơm, bồn nước, đường ống lắp van điều tiết đặt khắp vườn*). Theo tính toán, tưới tiết kiệm giúp tiết giảm từ 20 - 40%, thậm chí với một số loại cây trồng có thể tiết kiệm được 60 - 70%

lượng nước so với phương pháp tưới truyền thống. Ngoài ra, có thể kết hợp bón phân, thuốc bảo vệ thực vật qua hệ thống tưới, giúp giảm chi phí sản xuất. Thời gian qua, việc ứng dụng công nghệ tưới nước tiết kiệm vào sản xuất được đánh giá có nhiều ưu điểm vượt trội so với cách tưới truyền thống. Để ứng phó với tình trạng khan hiếm nguồn nước tưới vào mùa khô, ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn của tỉnh đã khuyến khích và sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật lắp đặt mô hình tưới nước tiết kiệm trên diện tích các loại cây trồng khác nhau. Bên cạnh đó, áp dụng các phương thức canh tác tiên tiến (*SRI, 3 tăng 3 giảm, 1 phải 5 giảm*), kỹ thuật tưới tiết kiệm cho lúa (*nông lộ phơi, ướt khô xen kẽ*); phối hợp chặt chẽ với địa phương trong việc triển khai mô hình cánh đồng lớn và thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên diện tích đất lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng có hiệu quả theo hướng bền vững, ổn định lâu dài trên địa bàn tỉnh; chủ động điều tiết nước tưới luân phiên, tiết kiệm và hiệu quả đảm bảo cấp đủ nước phục vụ sản xuất; triển khai mô hình thí điểm sản xuất lúa 02 vụ/năm trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao năng suất sản xuất và tiết kiệm nước trong công tác điều tiết nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

3.3. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản:

a) Thực trạng quản lý, khai thác khoáng sản:

Giai đoạn 2016-2021, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 24 văn bản thuộc thẩm quyền về quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh nhằm cụ thể hóa các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan Trung ương ban hành, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, tạo hành lang pháp lý, nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo về công tác quản lý khoáng sản và tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản để nâng cao nhận thức pháp luật về khoáng sản.

Tính từ năm 2016 đến ngày 20/12/2021, trên địa bàn tỉnh đã cấp 35 giấy phép khai thác khoáng sản, trong đó Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp 04 giấy phép (01 titan, 03 đá ốp lát), Ủy ban nhân dân tỉnh cấp 31 giấy phép (05 đá xây dựng, 02 đá chẻ, 17 cát xây dựng, 06 vật liệu san lấp, 01 sét gạch ngói). Đến nay, có 65 giấy phép còn hiệu lực, gồm: 01 nước khoáng (công suất khai thác 475 m³/ngày), 02 titan (diện tích 2.165 ha, trữ lượng 7.258.776 tấn, công suất khai thác 318.404 tấn/năm), 07 đá ốp lát (diện tích 78,3 ha, trữ lượng 5.183.056m³, công suất khai thác 195.326m³/năm), 29 đá xây dựng (diện tích 411,75 ha, trữ lượng 170.385.682m³, công suất khai thác 5.642.000m³/năm), 02 đá chẻ xây dựng (diện tích 9,09 ha, trữ lượng 1.628.620m³, công suất khai thác 56.400 m³/năm), 20 cát xây dựng (diện tích 60,39 ha, trữ lượng 689.346m³, công suất khai thác 169.162 m³/năm), 04 vật liệu san lấp (diện tích 52,15 ha, trữ lượng 2.436.913m³, công suất khai thác 311.800 m³/năm).

b) Chấp hành và không chấp hành các quy định của pháp luật tài nguyên khoáng sản:

Trong những năm gần đây, hệ thống văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đã được ban hành cơ bản toàn diện, kịp thời, được bổ sung, điều chỉnh sát với tình hình thực tiễn và ngày càng hoàn thiện hơn; công tác quản lý nhà nước về khoáng sản được sự quan tâm chỉ đạo sát sao, kịp thời của cấp có thẩm quyền; Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản quản lý nhà nước về khoáng sản tạo hành lang pháp lý trong công tác quản lý khoáng sản ở địa phương; công tác thẩm định, cấp phép hoạt động khoáng sản đảm bảo chặt chẽ, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, không có trường hợp cấp sai, cấp trái quy định; công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động khoáng sản được tăng cường thường xuyên và kịp thời nên hiệu lực, hiệu quả quản lý ngày càng được nâng cao, hoạt động khoáng sản dần đi vào nề nếp. Các tổ chức, cá nhân được cấp phép thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản đều chấp hành các quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động, thực hiện công tác bảo vệ môi trường và các nghĩa vụ, trách nhiệm trước, trong và sau khi kết thúc khai thác. Bên cạnh đó, vẫn có những trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp phép chưa chấp hành đúng và đầy đủ quy định của pháp luật trong hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, tiêu thụ khoáng sản và hoạt động khai thác khoáng sản trái phép diễn ra hầu hết ở các địa bàn trong tỉnh, gây thất thoát tài nguyên, thất thu ngân sách.

c) Việc tuân thủ các nguyên tắc, quy định về quản lý, khai thác khoáng sản:

Các loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh được điều tra, đánh giá tiềm năng và đưa vào Quy hoạch để thăm dò, khai thác. Công tác cấp phép, quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản luôn bảo đảm nguyên tắc đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế-xã hội và quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên khoáng sản của tỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đô thị hoá; đồng thời bảo đảm sự phát triển hài hoà, bền vững.

d) Việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, khai thác tài nguyên khoáng sản; quản lý theo quy định của pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các pháp luật chuyên ngành:

Việc đầu tư thăm dò khoáng sản được chú trọng; trữ lượng, chất lượng khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm được đánh giá đầy đủ; công tác thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản thực hiện thường xuyên. Các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản đã đánh giá đầy đủ trữ lượng, chất lượng và xác định tất cả các loại khoáng sản có trong khu vực; khuyến khích đầu tư, sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại để khai thác, thu hồi tối đa các loại khoáng sản có ích đi kèm đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, kinh tế. Công tác thanh, kiểm tra, giám sát hoạt động khoáng sản được tăng cường; ngăn chặn việc khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản trái pháp luật, không đúng với quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thực hiện các giải pháp hiệu quả để bảo vệ, khai thác tài nguyên khoáng sản; xử lý nghiêm các vi phạm xảy ra

góp phần đưa công tác quản lý tài nguyên khoáng sản đi vào nền nếp theo đúng quy định của pháp luật.

e) Các vi phạm trong công tác sử dụng tài nguyên khoáng sản:

Công tác quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh trong những năm gần đây, vẫn còn không ít những sai phạm trong hoạt động khoáng sản được phát hiện qua công tác thanh, kiểm tra của các cấp, các ngành (*Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán nhà nước, thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan địa phương*) như: chưa thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trước và trong quá trình khai thác, chế biến; khai thác vượt công suất; không đúng theo thiết kế mỏ; kê khai không đúng sản lượng đã khai thác; nợ thuế, phí, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản... Trong giai đoạn 2016-2021, các cơ quan có chức năng đã tổ chức hơn 1.158 cuộc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động khoáng sản đối với các tổ chức, cá nhân được cấp phép và khai thác khoáng sản trái phép (theo kế hoạch và đột xuất). Kết quả thanh, kiểm tra đã xử lý vi phạm hành chính, truy thu thuế, phí với tổng số tiền hơn 14,75 tỷ đồng. Riêng cơ quan thuế đã xử phạt vi phạm hành chính và truy thu thuế, phí với số tiền hơn 9,5 tỷ đồng vào ngân sách nhà nước.

g) Về tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính trong hoạt động khai thác khoáng sản:

Các khoản thu, nộp ngân sách nhà nước chính đối với hoạt động khai thác khoáng sản là tiền cấp quyền khai thác, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường. Ngoài ra, còn một số các khoản thuế, phí khác như: tiền thuê đất, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp,... Tổng nộp ngân sách nhà nước trong hoạt động khai thác khoáng sản giai đoạn 2016-2021 là **275,2 tỷ đồng**, trong đó:

+ Năm 2016, tổng nộp ngân sách Nhà nước là 28,8 tỷ đồng, trong đó tiền cấp quyền khai thác 14,3 tỷ đồng, thuế tài nguyên là 7,9 tỷ đồng, phí bảo vệ môi trường là 3,7 tỷ đồng, các khoản thuế phí khác là 2,9 tỷ đồng.

+ Năm 2017, tổng nộp ngân sách Nhà nước là 38,9 tỷ đồng, trong đó tiền cấp quyền khai thác 24,1 tỷ đồng, thuế tài nguyên là 9,7 tỷ đồng, phí bảo vệ môi trường là 4,3 tỷ đồng, các khoản thuế phí khác là 0,8 tỷ đồng.

+ Năm 2018, tổng nộp ngân sách Nhà nước là 30,1 tỷ đồng, trong đó tiền cấp quyền khai thác 12,9 tỷ đồng, thuế tài nguyên là 11,5 tỷ đồng, phí bảo vệ môi trường là 4,5 tỷ đồng, các khoản thuế phí khác là 1,2 tỷ đồng.

+ Năm 2019, tổng nộp ngân sách Nhà nước là 55,9 tỷ đồng, trong đó tiền cấp quyền khai thác 20,3 tỷ đồng, thuế tài nguyên là 20,4 tỷ đồng, phí bảo vệ môi trường là 7,9 tỷ đồng, các khoản thuế phí khác là 7,3 tỷ đồng.

+ Năm 2020, tổng nộp ngân sách Nhà nước là 43,4 tỷ đồng, trong đó tiền cấp quyền khai thác 20,4 tỷ đồng, thuế tài nguyên là 14,7 tỷ đồng, phí bảo vệ môi trường là 5,3 tỷ đồng, các khoản thuế phí khác là 3,0 tỷ đồng.

+ Năm 2021, tổng nộp ngân sách Nhà nước là 78,1 tỷ đồng, trong đó tiền cấp quyền khai thác 45,4 tỷ đồng, thuế tài nguyên là 20,7 tỷ đồng, phí bảo vệ môi trường là 9,9 tỷ đồng, các khoản thuế phí khác là 2,1 tỷ đồng.

h) Số liệu về cấp giấy phép khai thác không còn hiệu lực:

Tính đến 31/12/2021, trên địa bàn tỉnh có 05 Giấy phép khai thác khoáng sản đã chấm dứt hiệu lực, gồm 01 Giấy phép khai thác đất san lấp và 04 giấy phép khai thác cát xây dựng, trong đó 02 Giấy phép đã thực hiện đóng cửa mỏ, 03 giấy phép đang lập hồ sơ đóng cửa mỏ.

i) Vấn đề tiết kiệm trong khai thác tài nguyên khoáng sản:

- Công tác thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản được chú trọng, chất lượng, trữ lượng khoáng sản được thăm dò có độ tin cậy cao; công tác thăm định, cấp phép khai thác khoáng sản chặt chẽ, đảm bảo cấp đúng, cấp đủ trữ lượng khoáng sản được thăm dò, phê duyệt.

- Các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác đã đầu tư công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản tiên tiến, hiện đại để khai thác hiệu quả, tối đa khoáng sản được cấp phép, hạn chế các tổn thất do phương pháp, công nghệ khai thác lạc hậu; nâng cao giá trị sản phẩm sau chế biến.

- Giải quyết cho thu hồi toàn bộ khối lượng khoáng sản đi kèm tại các mỏ được cấp phép (*đất tầng phủ; đá không đạt tiêu chuẩn làm đá ốp lát,...*); khối lượng đất, đá, cát phát sinh từ việc thi công các công trình, dự án (*đường giao thông, khu công nghiệp, các dự án du lịch, năng lượng,...*), từ việc nạo vét (*cảng cá, cửa sông, cửa biển, lòng hồ, sông suối,...*), từ hoạt động cải tạo đất sản xuất nông nghiệp,... để sử dụng làm khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường, từ đó tận dụng được nguồn tài nguyên khoáng sản, tránh thất thoát, lãng phí từ việc đổ thải và đóng góp các khoản thu vào ngân sách nhà nước (*thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường*).

- Cấp dự án đầu tư sản xuất cát nghiền nhân tạo để tận dụng các loại đất đá thải đưa vào xây nghiền, sàng rửa để tuyển tách ra nguyên liệu cát đáp ứng tiêu chuẩn làm cát xây dựng, dần thay thế nguồn cát tự nhiên khai thác từ lòng sông, suối (*đã cấp 02 dự án*).

- Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với cơ quan thuế tăng cường các biện pháp kiểm tra, kiểm soát sản lượng khai thác và kê khai thuế, phí của các doanh nghiệp (*đối chiếu sản lượng khai thác và kê khai thuế; kiểm tra hóa đơn, chứng từ kê khai thuế của doanh nghiệp*) để đảm bảo thu đúng, thu đủ các khoản thuế phí từ hoạt động khai thác khoáng sản; kịp thời phát hiện và xử lý đối với các doanh nghiệp kê khai không đúng sản lượng khai thác, truy thu các khoản thuế, phí, hạn chế việc thất thoát, thất thu ngân sách.

3.4. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo:

a) Công tác tổng hợp, báo cáo các số liệu về thực trạng quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo:

- Công tác tuyên truyền pháp luật về biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh:

Giai đoạn 2016-2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có biển và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có biển trên địa bàn tỉnh tổ chức 40 lớp tuyên truyền phổ biến pháp luật (năm 2016: 10 lớp; năm 2017: 09 lớp; năm 2019: 07 lớp và năm 2020: 07 lớp) về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến vị trí, vai trò, tầm quan trọng của biển, đảo đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; các quy định về khai thác, sử dụng, bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên – môi trường biển cho các đối tượng là cán bộ, công chức cấp xã, các tuyên truyền viên pháp luật của các thôn/khu phố, đại diện hộ gia đình, chủ cơ sở, phương tiện đánh bắt nuôi trồng thủy hải sản thuộc các xã, phường, thị trấn có biển trên địa bàn tỉnh và đã thu hút 2.800 lượt người tham dự.

Ngoài ra, hàng năm Sở Tài nguyên và Môi trường còn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam và Ngày Đại dương thế giới trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định. Bao gồm các hoạt động như: Tổ chức Lễ Mít tinh hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới, Ngày Đại dương thế giới; ... Hoạt động đã thu hút sự tham gia của hàng trăm đoàn viên, thanh niên và Nhân dân địa phương; góp phần tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của các cấp, các ngành và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh.

- Kết quả thực hiện các hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học về tài nguyên, môi trường biển:

Trên cơ sở kết quả Dự án “Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng khai thác, nhu cầu sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ để xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường vùng bờ biển tỉnh Ninh Thuận”. Được sự quan tâm của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục triển khai dự án “Xây dựng phần mềm và cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường biển tỉnh Ninh Thuận” (hiện nay dự án đang trong quá trình thực hiện). Kết quả của dự án làm cơ sở khoa học phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên, môi trường biển trên địa bàn tỉnh; góp phần tạo ra một bức tranh tổng thể về hiện trạng sử dụng tài nguyên, môi trường vùng bờ biển của tỉnh.

- Công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu trên biển:

Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND tỉnh ngày 23/6/2015 Quy định lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Giai đoạn 2016-2021, Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố đã tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có biển phê duyệt 44 quyết định (trong đó: UBND cấp tỉnh 19 quyết định và UBND cấp huyện 25 quyết định) phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh.

Mặt khác, trong năm 2016 Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì tham

muu Xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và Bản đồ nhạy cảm môi trường đường bờ tỉnh Ninh Thuận và đã được Ủy ban Tìm kiếm cứu nạn Quốc gia phê duyệt tại Quyết định số 290/QĐ-UB ngày 08/6/2017.

b) Công tác thiết lập và quản lý hành lang bảo vệ bờ biển:

Ngày 03/12/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Ninh Thuận tại Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 và Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 về việc phê duyệt và công bố Đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm tỉnh Ninh Thuận.

c) Giao, sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh:

Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cho các Công ty, doanh nghiệp thuê đất có mặt nước biển với diện tích 1.236,65 m² và giao khu vực biển cho Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Trung Nam Cà Ná để thực hiện Dự án Cảng biển tổng hợp Cà Ná giai đoạn 1 tiếp nhận tàu trọng tải 100.000 DWT tại vùng biển thuộc xã Phước Diêm, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận, với diện tích 77,39 ha biển (tại Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 09/11/2020).

d) Việc tuân thủ các nguyên tắc, các quy định về khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo:

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương có biển thực hiện đúng các nguyên tắc, quy định quản lý, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015 và Luật Biển Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Công tác tham mưu Quyết định giao khu vực biển đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; công tác kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển đối với các tổ chức, cá nhân được thực hiện thường xuyên. Qua kiểm tra, giám sát, các tổ chức, cá nhân được cấp phép đã thực hiện khai thác, sử dụng tài nguyên biển đúng với các nội dung quy định trong Quyết định.

e) Việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo theo quy định của pháp luật THTK, CLP và các văn bản pháp luật chuyên ngành:

Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức rà soát các thủ tục hành chính về lĩnh vực biển và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và công bố thủ tục hành chính mới, bổ sung về lĩnh vực biển thuộc thẩm quyền giải quyết. Mục đích đơn giản hóa thủ tục hành chính là cắt giảm bớt số ngày giải quyết hồ sơ so với thời gian được quy định, nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiết kiệm được thời gian trong việc thực hiện các thủ tục hồ sơ giao khu vực biển theo quy định. Bên cạnh đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức hướng dẫn

cho các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các thủ tục hành chính về lĩnh vực biển.

Việc tiếp nhận các hồ sơ có trong danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực biển đều được thực hiện đảm bảo thông qua kênh nhận hồ sơ từ Trung tâm phục vụ hành chính công, chuyển bưu điện đưa về Sở Tài nguyên và Môi trường, đảm bảo tiết kiệm chi phí, thời gian cho người dân, doanh nghiệp, góp phần đảm bảo công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 trong tình hình mới.

4. Đánh giá chung về kết quả thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; xác định nguyên nhân; giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

4.1. Nhận xét, đánh giá:

Được sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường trong sinh hoạt thường kỳ hàng tuần, hàng tháng có lồng ghép nội dung thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để tuyên truyền, phổ biến kịp thời và đầy đủ các văn bản pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến toàn thể công chức, viên chức và người lao động của Sở Tài nguyên và Môi trường, đã nâng cao sự hiểu biết pháp luật và nhận thức của các công chức, viên chức và người lao động, từ đó có những hành động, việc làm cụ thể tạo chuyển biến thực sự trong lề lối làm việc, cải cách hành chính và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại đơn vị.

Nhìn chung, Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị trực thuộc đã thực hiện đúng các quy định hiện hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021.

4.2. Nguyên nhân:

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia chưa kịp thời nên ảnh hưởng đến tiến độ lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh do phải chờ chỉ tiêu sử dụng đất cấp quốc gia phân bổ; việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cấp quốc gia cho tỉnh Ninh Thuận còn nhiều chỉ tiêu chưa thật phù hợp, không sát với nhu cầu thực tế của địa phương.

Công tác dự báo và quy hoạch các ngành làm cơ sở cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn những hạn chế nhất định. Nhu cầu sử dụng đất của một số ngành có liên quan đến sử dụng đất phi nông nghiệp còn nặng về định hướng lâu dài mà chưa cân nhắc đầy đủ đến khả năng huy động về tài chính, nguồn lực để thực hiện trong kỳ kế hoạch nên dẫn đến mức độ thực hiện còn thấp so với chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

4.3. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp:

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thời gian đến, Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp như sau:

a) Nhiệm vụ:

- Tiếp tục thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan theo Chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

- Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa”, rút ngắn thời gian thực hiện, tiết kiệm thời gian và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp;

- Các cơ quan, đơn vị thuộc Sở phối hợp với các đoàn thể, tổ chức quần chúng có trách nhiệm tiếp tục tổ chức học tập, quán triệt các văn bản liên quan đến công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; nhằm tăng cường hiểu biết pháp luật, nâng cao nhận thức để công chức, viên chức, người lao động có những hành động, việc làm cụ thể tạo chuyển biến thực sự trong lề lối làm việc, cải cách hành chính và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

- Công khai, minh bạch trong các lĩnh vực hoạt động; chế độ, định mức, tiêu chuẩn chi tiêu, sử dụng kinh phí ngân sách của cơ quan, đơn vị;

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực: Quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; quản lý đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng đất đai gắn liền với trụ sở làm việc; quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; đào tạo, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động; kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

b) Giải pháp:

- Đối với đất trồng lúa: Xác định rõ chỉ tiêu khống chế về diện tích đất trồng lúa cần bảo vệ nghiêm ngặt; phân bổ và xác định rõ ranh giới ngoài thực địa, giao cho UBND cấp huyện lập bản đồ, cắm mốc ngoài thực địa diện tích đất trồng lúa cần bảo vệ và công khai đến từng đơn vị hành chính cấp xã, giao cho UBND cấp xã chịu trách nhiệm quản lý. Trong trường hợp cần thiết chuyển mục đích, các địa phương phải có kế hoạch bù đắp diện tích đất lúa đã bị mất và phải được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật.

- Đối với đất khu, cụm công nghiệp: Tiếp tục rà soát thực trạng sử dụng đất, thực hiện thu hút đầu tư để lấp đầy diện tích cho thuê, không bỏ trống đất đai gây lãng phí tài nguyên; chỉ thực hiện mở rộng, quy hoạch mới các khu, cụm công nghiệp khi đã lấp đầy khu, cụm công nghiệp hiện có.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thường xuyên, phải gắn với xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về đất đai, giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng quy định; quản lý chặt chẽ đất trồng lúa, quỹ đất dự trữ cho phát triển đô thị, phát triển công nghiệp theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng pháp luật về đất đai nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về quyền lợi và nghĩa vụ sử dụng đất, thông qua đó tạo sự đồng thuận cao trong việc tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Phát huy vai trò của các cấp ủy

đảng, tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân trong tham gia đóng góp và giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Trên đây là báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường./.

(Hồ sơ kèm theo:

- Phụ lục A: Tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm chống lãng phí giai đoạn 2016-2021;

- Phụ lục C: (C.01: Tình hình lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2016-2021; C.03: Tình hình thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai giai đoạn 2016-2021; C.04: Tình hình thu hồi đất theo Điều 65 Luật đất đai giai đoạn 2016-2021; C.05: Tình hình giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất giai đoạn 2016-2021; C.06: Tình hình giao, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất giai đoạn 2016-2021; C.07: Tình hình thực hiện các dự án theo hình thức thỏa thuận (Điều 73 Luật Đất đai) giai đoạn 2016-2021; C.08: Tình hình giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và vi phạm pháp luật về đất đai).

- Phụ lục số 02: Tình hình quản lý, sử dụng đất giai đoạn 2016-2021.

Nơi nhận:

- Đoàn giám sát - HĐND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài chính (báo cáo);
- GD và các PGĐ Sở;
- Lưu: VT(2915/STC-TT), VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Ngọc Thạch